

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TỊNH AN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Tĩnh An Tây, ngày tháng 3 năm 2025

## **BÁO CÁO** **Công tác cải cách hành chính quý I năm 2025**

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Về kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)**

Ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2025 của UBND xã Tịnh An Tây về công tác cải cách hành chính của UBND xã Tịnh An Tây năm 2025.

#### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC**

Công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC lồng ghép vào trong Quyết định nhiệm vụ hàng tháng của UBND xã, lãnh đạo UBND xã thường xuyên đôn đốc nhắc nhở công chức phụ trách chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính cho công dân nhanh, gọn, chính xác theo đúng quy định.

#### **3. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Đang xây dựng kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2025.

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Cải cách thể chế**

##### *1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL*

Thường xuyên chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn nghiên cứu kỹ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật ban hành văn bản QPPL 2015; Nghị định số 154/2020/QĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 để làm tốt công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL của xã;

*1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương:*

Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Tịnh An Tây, nhiệm kỳ 2021-2026. Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 sửa đổi khoản 1 điều 6 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Tịnh An Tây, nhiệm kỳ 2021-2026.

##### *1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại địa phương*

Văn bản QPPL do UBND xã ban hành đã bám vào văn bản cấp trên để thực hiện. Văn bản do UBND xã ban hành, Cán bộ, công chức và người lao động đưa vào thực hiện đúng theo quy định.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

*2.1 Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của địa phương theo quy định*

Tổng số lĩnh vực thực hiện thủ tục hành chính cấp xã là 39 lĩnh vực, số lĩnh vực cấp xã hiện đang thực hiện là 39 lĩnh vực.

### **2.2 Kiểm soát thủ tục hành chính**

**Đang xây dựng Kế hoạch về** hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 xã Tịnh Ấn Tây.

Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC: Không.

Về công khai thủ tục hành chính: 100% Bộ thủ tục hành chính cấp xã, các khoản thu theo quy định được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Tịnh Ấn Tây nơi công dân dễ tiếp cận khi có nhu cầu, đăng tải trên trang thông tin điện tử xã; công khai số điện thoại của Lãnh đạo UBND xã tại phòng tiếp công dân. Công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để Nhân dân liên hệ khi muốn góp ý về thái độ giao tiếp, cách thức giải quyết công việc, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, mức độ hài lòng của tổ chức và công dân, những bức xúc liên quan đến thủ tục hành chính.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

*3.1 Về rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của địa phương*

Thực hiện theo đúng quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi về số lượng và chức danh của Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Xã thuộc loại II được biên chế 21, hiện có 19 biên chế và 01 biên chế kiêm nhiệm và phù hợp với trình độ chuyên môn theo quy định.

Cán bộ, công chức khối UBND xã đã bám vào quy định của cấp trên và Quy chế làm việc của UBND xã để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

### *3.2 Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

- Kết quả giải quyết TTHC quý I/2025 (từ ngày 05/12/2024 đến 04/3/2025): Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 833 hồ sơ, năm 2024 chuyển qua: 5 hồ sơ. Tổng hồ sơ đã giải quyết: 818 hồ sơ, trong đó: giải quyết trước hạn 812 hồ sơ, giải quyết đúng hạn: 0, giải quyết quá hạn: 06 hồ sơ (lĩnh vực chứng thực, đã gửi thư xin lỗi cho công dân); Tổng hồ sơ đang giải quyết trong hạn 20 hồ sơ.

- Tình hình thực hiện số hóa hồ sơ:

+ Tổng số hồ sơ đã số hóa thành phần hồ sơ tiếp nhận 844/844 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

+ Tổng số hồ sơ đã số hóa kết quả giải quyết 807/825 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 97,82%.

- Hồ sơ liên thông: 10 hồ sơ.

Trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho bộ phận một cửa: Cơ bản để Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

Hiện xã có 19 cán bộ, công chức xã, trong đó có 9 công chức và tỷ lệ 100% công chức đạt chuẩn theo quy định.

Công tác quản lý cán bộ, công chức được thực hiện đúng theo Luật cán bộ, công chức và quy chế làm việc của UBND xã; việc quy hoạch cán bộ, công chức được thực hiện theo đúng hướng dẫn của cấp trên và của Đảng ủy xã.

Hiện nay cán bộ, công chức xã được sắp xếp, bố trí đúng theo trình độ chuyên môn được đào tạo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Đã đăng ký kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn gửi về UBND thành phố.

#### **5. Hiện đại hóa hành chính**

Hầu hết cán bộ, công chức ứng dụng được CNTT vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Hiện xã có sử dụng phần mềm quản lý hộ tịch và phần mềm kế toán, phần mềm office để nhận và chuyển văn bản, phần mềm một cửa điện tử xã, ... 100% tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc; tỷ lệ trung bình 1 máy tính/1 người.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

**Ưu điểm:** Cán bộ, công chức được đào tạo chuyên môn và phân công đúng với chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành trong công tác giải quyết các thủ tục hành chính.

**Những tồn tại và hạn chế trong thực hiện CCHC:** Tỷ lệ người dân đăng ký tài khoản cá nhân trên dịch vụ công còn thấp, số lượng công dân biết nộp hồ sơ trực tuyến trên dịch vụ công chiếm tỷ lệ rất thấp và còn rất nhiều công dân đến giao dịch không có tài khoản chuyển tiền qua App.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ II NĂM 2025**

Thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của cấp trên và ở địa phương.

Xây dựng các Kế hoạch kiểm soát TTHC; rà soát, đơn giản hóa TTHC; tuyên truyền công tác CCHC năm 2025 đúng quy định.

Tiếp tục công khai các thủ tục hành chính để tổ chức và cá nhân tiếp cận.

Thường xuyên kiểm tra nội bộ trong công tác tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ cho công dân.

Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, sự hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2025 của UBND xã Tịnh Ấn Tây.

***Nơi nhận:***

- Phòng Nội vụ TP;
- CT, PCT UBND xã;
- Công chức xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Khánh Lâm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TỊNH AN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục  
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2025  
của UBND xã Tịnh Ấn Tây)

| STT       | Chỉ tiêu thống kê                                        | Kết quả thống kê                                |         | Ghi chú                                                        |
|-----------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------|
|           | (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)        | Đơn vị tính                                     | Số liệu |                                                                |
| <b>1</b>  | <b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>                   |                                                 |         |                                                                |
| 1.1.      | Kế hoạch CCHC                                            | Văn bản                                         | 01      | Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 8/01/2025 của UBND xã Tịnh Ấn Tây  |
|           | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch                         | Nhiệm vụ                                        | 33      |                                                                |
|           | Số nhiệm vụ đã hoàn thành                                | Nhiệm vụ                                        | 21      |                                                                |
|           | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành/tham mưu ban hành    | Văn bản                                         | 01      | Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2025 của UBND xã Tịnh Ấn Tây |
| 1.2.      | Thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND TP giao |                                                 |         |                                                                |
|           | Tổng số nhiệm vụ được giao                               | Nhiệm vụ                                        | 0       |                                                                |
|           | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn                       | Nhiệm vụ                                        | 0       |                                                                |
|           | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn                  | Nhiệm vụ                                        | 0       |                                                                |
| 1.3.      | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức              |                                                 | 0       |                                                                |
|           | Số lượng phiếu khảo sát                                  | Số lượng                                        | 572     |                                                                |
|           | Hình thức khảo sát                                       | Trực tuyến = 0<br>Phát phiếu = 1<br>Kết hợp = 2 | 0       |                                                                |
| 1.4.      | Tổ chức đối thoại về TTHC của UBND cấp xã                | Không = 0<br>Có = 1                             | 0       |                                                                |
| <b>2.</b> | <b>Cải cách thể chế</b>                                  |                                                 |         | Phòng Tư pháp tổng hợp                                         |
| 2.1.      | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành                  | Văn bản                                         | 0       |                                                                |
| 2.2.      | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền                    | Văn bản                                         | 0       |                                                                |
| 2.3.      | Số VBQPPL đã rà soát                                     | Văn bản                                         | 0       |                                                                |
| 2.4.      | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát       | Văn bản                                         | 0       |                                                                |

|             |                                                                           |         |       |                                  |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|-------|----------------------------------|
| 2.5.        | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong                           | Văn bản | 0     |                                  |
| <b>3.</b>   | <b>Cải cách thủ tục hành chính</b>                                        |         |       | Văn phòng thành phố tổng hợp     |
| 3.1.        | Thông kê TTHC                                                             | Thủ tục | 159   |                                  |
| 3.2.        | Vận hành Cổng dịch vụ công                                                |         |       |                                  |
|             | Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia                     | Thủ tục |       |                                  |
|             | Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia                   | Thủ tục | 93    |                                  |
| 3.3.        | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông                              |         |       |                                  |
|             | Số TTHC liên thông cùng cấp                                               | Thủ tục | 0     |                                  |
|             | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền                               | Thủ tục | 3     |                                  |
|             | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ                             | %       |       |                                  |
|             | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa                | %       |       |                                  |
| <b>3.4.</b> | <b>Kết quả giải quyết TTHC</b>                                            |         |       |                                  |
|             | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | %       |       |                                  |
|             | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn        | %       | 99,92 | 812/818 hs                       |
| <b>4.</b>   | <b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>                        |         |       | Cơ quan TC-NV thành phố tổng hợp |
| 4.1.        | Tổng số biên chế được giao trong năm                                      | Người   | 21    |                                  |
| 4.2.        | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo                             | Người   | 19    |                                  |
| 4.3.        | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước             | Người   | 0     |                                  |
| 4.4.        | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo                                 | Người   | 0     |                                  |
| <b>5.</b>   | <b>Cải cách chế độ công vụ</b>                                            |         |       | Cơ quan TC-NV thành phố tổng hợp |
| 5.1.        | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lãnh đạo cấp phòng)               | Người   | 0     |                                  |
| 5.2.        | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).   | Người   | 0     |                                  |

| 6.   | Cải cách tài chính công                                                                               |                                            |        | Phòng TC-KH thành phố tổng hợp      |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------|-------------------------------------|
| 6.1. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Cơ quan, đơn vị                            |        |                                     |
| 6.2. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)               | Cơ quan, đơn vị                            |        |                                     |
| 6.3. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)           | Cơ quan, đơn vị                            |        |                                     |
| 6.4. | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)               | Cơ quan, đơn vị                            |        |                                     |
| 6.5. | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)               | Cơ quan, đơn vị                            |        |                                     |
| 7.   | Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số                                                |                                            |        | Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp |
| 7.1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0                                                  | Chưa = 0<br>Hoàn thành = 1                 | 1      |                                     |
| 7.2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến                                                          | Chưa có = 0                                | 2      |                                     |
|      | Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến thành phố.                                                         | 2 cấp = 1                                  |        |                                     |
|      | Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến thành phố và 100% UBND cấp xã.                                     | 3 cấp = 2                                  |        |                                     |
| 7.3. | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia                         | Chưa = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành = 2 | 2      |                                     |
| 7.4. | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.                                          |                                            | 89,47% |                                     |
| 7.5. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).                                     | Chưa = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành = 2 | 0      |                                     |
| 7.6. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử                                                                   |                                            | 100%   |                                     |
|      | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh                                         | %                                          |        |                                     |

|      |                                                                                                                               |         |      |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------|--|
|      | Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND thành phố                                                                   | %       | 100% |  |
| 7.7. | Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố                                                           | Văn bản | 343  |  |
|      | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ). | %       | 100% |  |
|      | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy                                              | %       | 0%   |  |
| 7.8. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh                                                                |         |      |  |
|      | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối liên thông với Hệ thống                                                                   | %       |      |  |
|      | Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống                                                                        | %       | 100% |  |
| 7.9. | Dịch vụ công trực tuyến                                                                                                       |         |      |  |
|      | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến một phần                                                                                     | TTHC    | 70   |  |
|      | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình                                                                                   | TTHC    | 23   |  |
|      | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến một phần                                                                                         | %       | 100  |  |
|      | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình                                                                                       | %       | 100  |  |